

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 05 - 2024.

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 10 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1978 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T1**, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 do quen biết, có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Sau ngày cưới thì chị và anh T1 sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh T1 tại ấp H, xã H. Đến khoảng năm 2010 thì chị và anh T1 ra cát nhà sống

tự lập riêng tại ấp H, xã H. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T1 có hành vi vũ lực với chị T, tình cảm giữa chị và anh T1 dành cho nhau dần phai nhạt. Chị T và anh T1 đã sống ly thân nhau từ tháng 06 năm 2022 cho đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 02 người con chung tên Trần Nhật K, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1997 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2003. Cả 02 cháu K và H đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị T do quen biết, có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Sau ngày cưới thì anh và chị T sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh tại ấp H, xã H. Đến khoảng năm 2010 thì anh và chị T ra cát nhà sống tự lập riêng tại ấp H, xã H. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2022 thì do anh T1 có nợ nên bỏ đi nơi khác làm ăn, anh T1 có nói chị T cùng đi nhưng chị T không đồng ý. Giữa anh T1 và chị T có thường hay xảy ra cự cãi. Vào khoảng tết âm lịch năm 2024 thì anh T1 có đánh chị T, lý do anh T1 đánh chị T là do chị T đi chơi nhiều ngày không nói với anh T1. Chị T và anh T1 đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay.

Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh T1 không đồng ý, anh T1 yêu cầu được đoàn tụ. Anh T1 sẽ thay đổi tính tình, chăm lo làm ăn để lo cho gia đình.

- Về con chung: Anh T1 và chị T có 02 người con chung tên Trần Nhật K, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1997 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2003. Cả 02 cháu K và H đã thành niên nên anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Văn T1. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh T1 do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 488 ngày 31 tháng 12 năm 2002 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, chị T và anh T1 đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân; Anh T1 có hành vi vũ lực đối với chị T; Anh T1 và chị T đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Trần Nhựt K, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1997 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2003. Cả 02 cháu K và H đã thành niên, chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị T và anh T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí sơ thẩm:* Buộc chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 có 02 người con chung tên Trần Nhật K, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1997 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 21 tháng 04 năm 2003. Cả 02 cháu Trần Nhật K và Trần Thị Ngọc H đã thành niên, chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí sơ thẩm:*

Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^o 0008813 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Trần Văn T1 không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh V;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND x. H;
- Các đương sự;

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương

- Luru.